**Đặc tả Use Case**

1. **Use case Đăng Nhập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Đăng Nhập | |
| **Actor:** Nhân Viên | |
| **Mô tả:** Use case cho phép actor thực hiện login vào hệ thống. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đang ở giao diện đăng nhập | |
| **Điều kiện sau:** Hiển thị các chức năng tương ứng theo từng loại actor. | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1.Nhân Viên điền thông tin user name, password và chọn đăng nhập | 2. Lấy thông tin các user, kiểm tra thông tin và hiển thị form tương ứng. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |
|  | 2.1. Hệ thống không tìm thấy user hoặc password không trùng khớp, thông báo và hiển thị form đăng nhập. |

**2. Use case Đăng Xuất**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Đăng Xuất | |
| **Actor:** Nhân Viên | |
| **Chức năng:** Use case cho phép actor thực hiện logout ra khỏi hệ thống | |
| **Điều kiện trước:** Actor đã đăng nhập được vào hệ thống | |
| **Điều kiện sau:** Hiển thị form đăng nhập | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Nhân Viên Chọn chức năng Đăng Xuất | 2. Hệ thống đăng xuất user đang làm việc và trả về form đăng nhập. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |